

Tuần 29, 31/07/2026

Tuần phục hồi kỹ thuật

Tiêu điểm:

- FED giữ nguyên lãi suất 3.5%-3.75% dù có 3 ý kiến phản đối
- NHNN tiếp tục nới tỷ lệ cho vay/huy động, áp dụng chính thức từ ngày mai (1/8): Theo quy định mới, từ ngày mai, các ngân hàng được phép đưa 50% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước vào công thức tính LDR, từ mức 20% áp dụng hiện nay
- Mùa báo cáo KQKD Q2 với nhiều cái tên có KQKD tăng mạnh hơn dự phóng như VCB, HPG, VHM,...

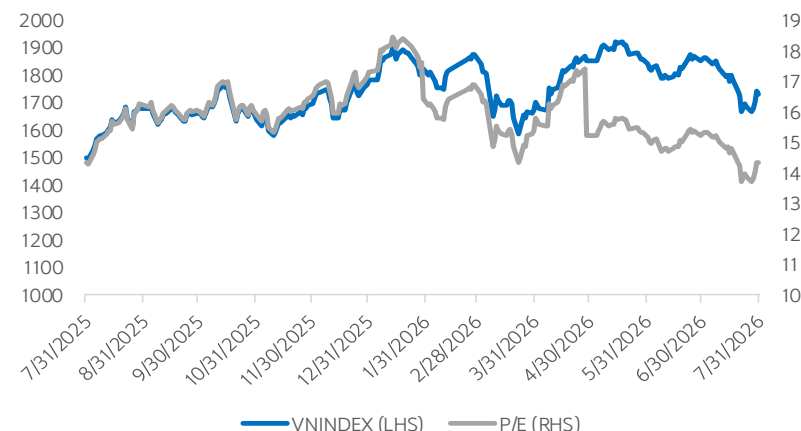
Đánh giá: Thị trường đã có nhịp phục hồi sau khi những thông tin về sai phạm tại một số công ty niêm yết tạm lắng xuống; đi kèm là việc nhiều doanh nghiệp lớn công bố KQKD tăng trưởng ấn tượng, góp phần khiến thị trường nhìn nhận lại mặt bằng định giá. Bởi lẽ, từ đầu năm 2026 đến nay, dù KQKD của nhiều doanh nghiệp tăng trưởng tốt, diễn biến giá lại không như kỳ vọng.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index kết tuần tại 1,735 điểm (+49.67 điểm, +2.95%) trên đồ thị tuần với thanh khoản thấp. Tâm lý thị trường có sự cải thiện nhẹ. Vùng 1,700 điểm vẫn là vùng hỗ trợ cứng khi đã nhiều lần tích lũy tại đây và bật tăng. Tuy nhiên, thị trường vẫn cần thời gian để ổn định quanh vùng này; ngưỡng kháng cự 1,800-1,850 điểm, tương ứng MA50, sẽ tạo ra lực cung ngắn hạn khi chỉ số phục hồi về đây.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh của thị trường để giải ngân từng phần, đồng thời duy trì tỷ trọng tiền mặt hợp lý nhằm quản trị rủi ro và sẵn sàng gia tăng vị thế khi xu hướng thị trường xác nhận hồi phục. Nhà đầu tư nên hạn chế sử dụng đòn bẩy (margin) để bắt đáy khi thị trường có thể hình thành đáy thứ hai.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,736	2.9	-6.7	-6.4	-2.7		14.4	2.0	314
Upcom Index	127	0.6	-2.6	-0.7	4.6		11.5	1.6	24
HNX Index	271	-0.6	-13.4	8.2	9.0		15.9	1.6	16
VN30 Index	1,872	2.3	-6.2	-7.4	-7.8		12.5	2.0	233
S&P 500 Index	7,438	0.3	-0.8	3.2	8.6		27.4	5.7	66,391
STOXX Europe 600 Index	655	1.7	2.2	7.3	10.7		18.0	2.5	18,946
Hang Seng	25,890	3.7	13.1	0.4	1.0		13.5	1.4	3,926
Nikkei 225	64,362	-0.4	-8.1	8.6	27.9		22.5	2.8	6,279
SHCOMP Index	3,832	0.5	-6.4	-6.8	-3.4		1.5	9.065	
STI Index	5,630	0.7	8.9	14.6	21.2		15.0	1.8	648
KOSPI Index	6,595	-1.4	-22.2	-0.1	56.5		15.4	1.6	3,124

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

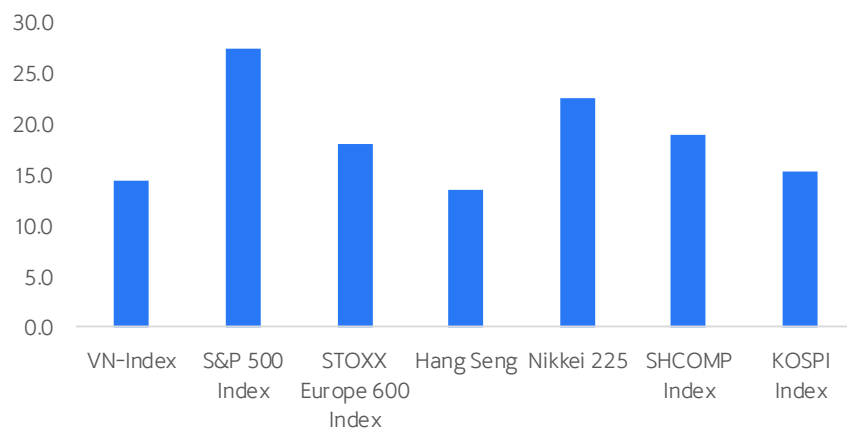
WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

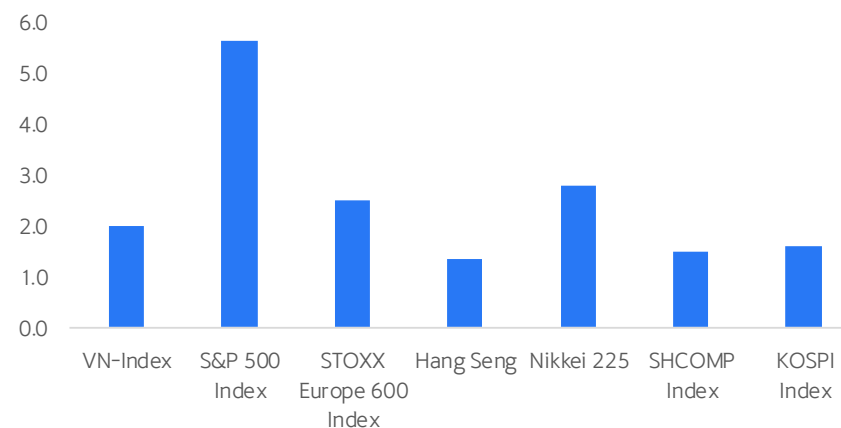
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	3.1	-6.2	-5.6	-0.5	-14.0	-7.0	-15.6	-35.5	54.0	0.1	15.0	2.3	7,578,098
Mid Cap	1.2	-8.7	-11.7	-9.0	-17.2	-14.7	-27.6	-50.9	24.6	-0.9	10.1	1.1	531,219
Small Cap	-0.1	-6.8	-12.4	-16.0	-11.0	-8.5	-16.6	-34.1	21.4	0.8	10.8	0.6	72,930
Theo ngành													
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Công nghệ Thông tin	6.0	-7.6	-9.1	-28.7	-13.3	-17.4	-22.0	-46.0	7.3	0.1	12.2	2.6	127,155
Bán lẻ	5.0	-8.3	-15.0	-16.9	-16.0	9.4	-4.8	-34.7	4.1	-0.1	16.9	3.2	144,349
Bảo hiểm	4.9	-3.4	-12.7	2.2	-23.1	-21.7	-46.3	-64.9	1.2	-0.1	13.5	1.6	56,793
Hóa chất	4.4	-12.9	-21.7	-2.6	-23.9	-32.0	-46.8	-73.6	1.7	-0.2	13.3	1.5	185,677
Tài nguyên cơ bản	4.1	-6.5	-13.1	-8.4	-6.9	7.1	3.1	-22.3	16.2	1.3	12.4	1.3	221,124
Bất động sản	3.4	-3.6	-2.0	11.5	-11.4	2.2	-26.6	-44.3	8.9	0.3	33.0	3.6	2,606,482
Dầu khí	3.0	-1.1	-3.7	29.5	26.3	-11.9	10.4	-33.8	0.0	0.0	23.6	2.1	186,084
Du lịch và Giải trí	2.7	-10.5	-7.4	-13.9	-9.1	-4.9	-13.3	-23.7	5.2	0.3	27.7	4.3	312,474
Ngân hàng	2.6	-7.9	-4.9	-2.7	-20.5	-15.6	-23.4	-32.9	19.1	-1.5	9.1	1.5	2,495,879
Tài chính	2.5	-7.6	-7.1	-2.4	-14.9	-25.7	-27.6	-51.5	6.2	-0.1	15.4	1.7	478,950
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.4	-12.6	-16.2	-20.2	-21.0	-19.7	-31.2	-48.0	8.8	-0.8	12.8	1.8	210,840
Thực phẩm và đồ uống	1.9	0.2	-2.1	-12.6	-20.9	2.1	-10.3	-43.8	6.0	-0.5	15.5	3.0	488,422
Tiện ích	1.4	-6.5	-6.6	-5.6	4.1	12.6	16.9	-25.5	6.1	1.3	12.3	1.8	307,601
Dược và Y tế	1.3	-4.4	-10.0	-12.3	5.4	-2.6	-20.9	-36.8	2.0	0.4	16.4	1.9	35,269
Xây dựng và vật liệu	0.9	-10.0	-13.9	-13.2	-13.6	-20.6	-29.2	-39.8	6.5	0.0	6.9	1.2	124,891
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6	-30.3	-38.2	-37.5	-6.6	1.7	20.0	-38.6	0.3	0.0	6.6	1.0	37,047
Ô tô & Phụ tùng	0.1	-1.7	-0.4	3.8	-26.5	-3.8	-9.7	-33.7	0.3	-0.1	3.9	1.0	17,974
Truyền thông	-3.1	-16.3	-16.8	-25.3	13.7	-26.3	-33.6	-60.6	0.0	0.0	20.6	0.8	2,005

Nguồn: ICB cấp 2 - Finpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	408	1,811	1,811	-27,154
Indonesia	407	102	102	-4,146
Nhật Bản*	5,568	9,551	9,551	62,560
Maylaysia	-29	42	42	-658
Hàn Quốc	-4,644	-11,397	-11,397	-106,214
Sri Lanka	-3	-9	-9	-117
Đài Loan	-4,431	-25,161	-25,160	-45,521
Thái Lan	-102	1,354	1,354	2,235
Việt Nam	-81	-433	-433	-3,372

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,304	-0.1	-36.2	-104.3	-204.6
Nước ngoài	1,614	-0.6	-35.6	-89.3	-175.6
VanEck Vectors Vietnam ETF	506	0.0	-26.5	-24.5	-52.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	346	-0.6	-8.9	-49.5	-114.1
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	361	0.0	-0.2	-3.7	5.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	196	0.0	0.0	-10.9	-13.1
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	-0.8	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	689	0.5	-0.6	-15.1	-29.1
DCVFMVN Diamond ETF	390	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	217	2.6	1.1	-5.9	-18.6
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19	-0.5	-0.7	-0.5	0.5
MAFN VN30 ETF	22	-1.6	-1.2	-8.7	-11.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	27	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.0	0.2	0.1	0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

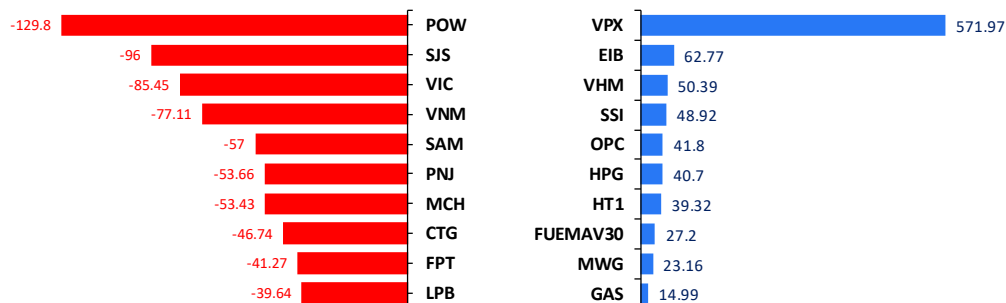
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

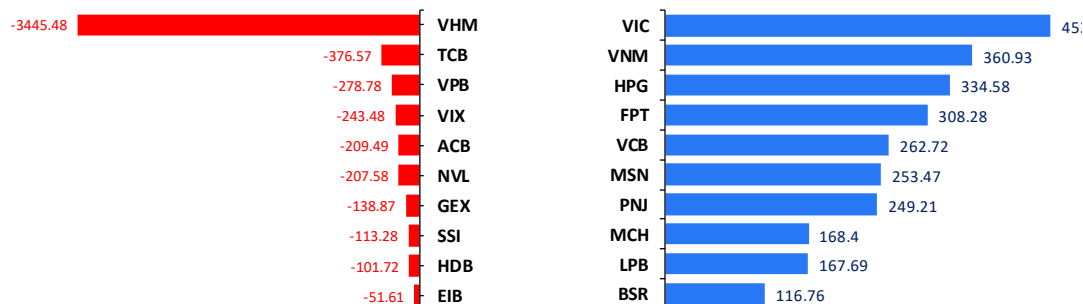
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

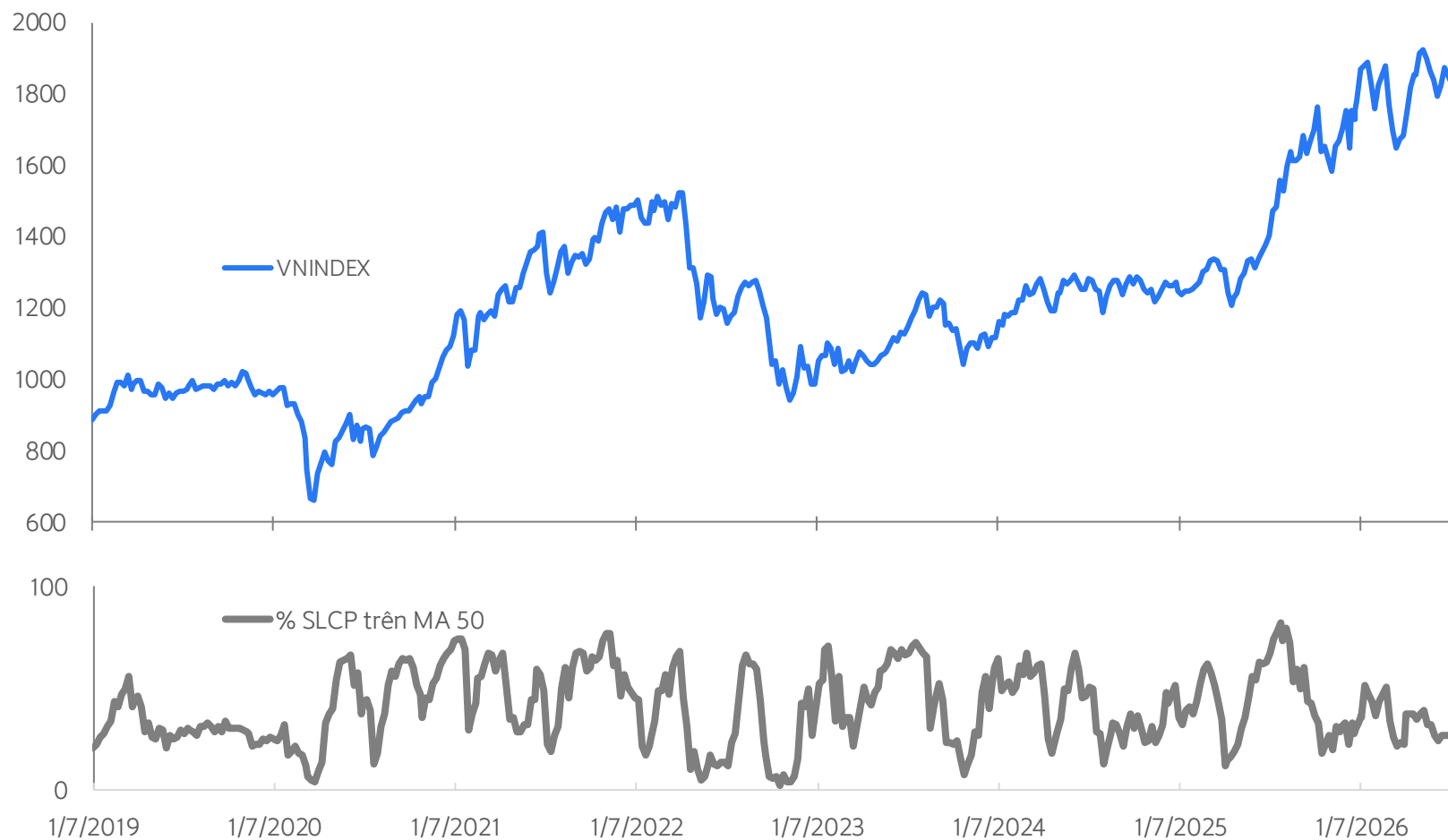
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-163	-2,991	2,273	718
Tài nguyên Cơ bản	39	377	-316	-61
Truyền thông	0	0	1	-2
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-19	40	221	-261
Y tế	42	0	1	-1
Hóa chất	-4	-65	42	22
Dịch vụ tài chính	24	-288	269	19
Du lịch và Giải trí	-37	-26	-22	48
Ngân hàng	-146	-591	425	166
Xây dựng và Vật liệu	40	81	-54	-27
Thực phẩm và đồ uống	-155	845	-533	-312
Bán lẻ	17	84	148	-232
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-115	-17	62	-45
Hàng cá nhân & Gia dụng	-54	228	-219	-10
Công nghệ Thông tin	-99	189	33	-222
Ô tô và phụ tùng	0	-3	-2	5
Bảo hiểm	-1	8	-5	-2
Dầu khí	-12	73	-505	433
Tổng	-642	-2,056	1,820	236

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	33	Weak	Weak	DXG	31	Weak	Weak	BVH	49	Weak	Weak	HPG	45	Neutral	Weak	GEX	38	Weak	Weak
MBB	36	Weak	Weak	NVL	55	Strong	Neutral	BMI	47	Neutral	Weak	NKG	42	Neutral	Weak	VSC	35	Weak	Weak
HDB	40	Weak	Neutral	DIG	31	Weak	Weak	BIC	38	Strong	Strong	HSG	42	Neutral	Weak	PVT	51	Neutral	Weak
VPB	38	Weak	Weak	VRE	48	Neutral	Weak	VIX	38	Weak	Weak	SMC	63	Strong	Strong	GMD	56	Neutral	Neutral
MSB	53	Neutral	Neutral	PDR	24	Weak	Weak	SSI	42	Weak	Weak	CII	31	Weak	Weak	HAH	33	Weak	Weak
TCB	35	Weak	Weak	VIC	48	Neutral	Neutral	VND	45	Weak	Weak	HHV	38	Neutral	Weak	GEE	32	Weak	Weak
EIB	38	Weak	Weak	KDH	31	Weak	Weak	VCI	45	Neutral	Weak	VCG	32	Weak	Weak	VOS	41	Weak	Weak
ACB	40	Weak	Neutral	VHM	57	Strong	Neutral	HCM	51	Neutral	Neutral	PCI	51	Neutral	Neutral	APH	58	Neutral	Neutral
TPB	33	Weak	Weak	TCH	28	Weak	Weak	TCX	48	Neutral	Neutral	FCN	36	Weak	Weak	VTP	51	Neutral	Weak
STB	48	Neutral	Neutral	KBC	42	Neutral	Weak	ORS	53	Neutral	Strong	VGC	38	Weak	Weak	SBG	50	Neutral	Neutral
CTG	43	Neutral	Weak	HDG	30	Weak	Weak	VDS	36	Weak	Weak	DPG	30	Weak	Weak	REE	49	Neutral	Weak
VIB	36	Weak	Weak	HDC	27	Weak	Weak	FTS	38	Weak	Weak	CTD	42	Weak	Weak	PAC	30	Weak	Weak
SSB	49	Neutral	Neutral	NLG	40	Weak	Weak	CTS	40	Weak	Weak	CTR	50	Neutral	Weak	TV2	44	Neutral	Weak
VCB	56	Neutral	Neutral	DXS	31	Weak	Weak	BSI	34	Weak	Weak	HT1	40	Neutral	Weak	TCM	27	Weak	Weak
NAB	40	Weak	Weak	NTL	14	Weak	Weak	TCI	46	Neutral	Weak	CTI	45	Neutral	Weak	TLG	54	Neutral	Neutral
OCB	42	Weak	Weak	SIP	44	Neutral	Weak	TVB	40	Weak	Weak	BMP	59	Neutral	Strong	PNJ	21	Weak	Weak
BID	46	Neutral	Weak	SZC	25	Weak	Weak	DSE	49	Neutral	Neutral					MSH	31	Neutral	Weak
LPB	47	Neutral	Neutral	BCM	22	Weak	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	47	Neutral	Weak	PVD	44	Weak	Neutral	MSN	42	Neutral	Weak	YEG	51	Neutral	Weak	VPL	46	Neutral	Weak
SAM	46	Neutral	Neutral	BSR	52	Neutral	Neutral	VNM	64	Strong	Strong	DCL	58	Neutral	Neutral	VJC	36	Weak	Weak
ELC	38	Weak	Weak	PLX	39	Weak	Weak	DBC	37	Weak	Weak	DBD	46	Neutral	Neutral	HVN	38	Weak	Weak
CMG	36	Weak	Weak	POW	46	Neutral	Neutral	BAF	56	Neutral	Neutral	TNH	42	Neutral	Weak	SCS	22	Weak	Weak
MWG	42	Weak	Weak	NT2	41	Neutral	Weak	SAB	30	Weak	Weak	JVC	19	Weak	Weak	VNG	62	Too hot	Strong
DGW	47	Neutral	Weak	GAS	38	Weak	Weak	ANV	35	Weak	Weak					HAX	33	Weak	Weak
PET	59	Strong	Strong	GEG	37	Weak	Weak	VHC	33	Weak	Weak					DRC	32	Weak	Weak
FRT	66	Too hot	Strong	PPC	18	Neutral	Weak	MCH	58	Neutral	Strong								

Danh sách theo dõi tiềm năng						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	HPG	21.7	26	23.5	19.8%	Kỳ vọng KQKD 1H tăng trưởng ấn tượng. Cổ phiếu hưởng nền hỗ trợ phù hợp với chiến lược mua tích lũy với tỷ trọng nhỏ hơn là giao dịch ngắn hạn
2	REE	46.5	NA	NA	NA	Triển vọng đầu tư dài hạn ổn định với kế hoạch phát triển điện tái tạo cụ thể là điện gió ngoài khơi. Hiện tượng thời tiết El nino cũng góp phần khiến REE chiết khấu sâu. Định giá hấp dẫn phù hợp với chiến lược đầu tư dài hạn

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SSC	Thực phẩm và đồ uống	20.60 - 37.00	22.0	-14.9%
2	ACC	Xây dựng và Vật liệu	4.21 - 14.15	4.5	-13.6%
3	NCT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	82.90 - 113.20	83.4	-10.1%
4	EVG	Xây dựng và Vật liệu	4.08 - 11.57	4.1	-10.0%
5	CLL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.10 - 36.60	27.5	-9.5%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.9%	38.9	24.25 - 44.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	STG
17.8%	7.0	5.59 - 8.20	Du lịch và Giải trí	VNG
17.6%	9.2	7.19 - 9.84	Xây dựng và Vật liệu	HAS
17.2%	11.9	4.08 - 12.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	ASP
15.8%	7.1	4.49 - 9.23	Hóa chất	HII

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MKV	Y tế	9.30 - 26.40	13.5	-19.6%
2	DST	Truyền thông	3.90 - 14.50	6.6	-18.5%
3	PTI	Bảo hiểm	18.00 - 42.00	19.2	-12.7%
4	VC1	Xây dựng và Vật liệu	10.10 - 17.30	12.4	-11.4%
5	VC6	Xây dựng và Vật liệu	16.87 - 40.00	19.0	-10.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.4%	20.1	15.30 - 27.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SFN
19.7%	9.1	7.10 - 32.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TJC
14.3%	9.6	8.40 - 11.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PTS
13.6%	20.0	14.10 - 23.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HMH
13.6%	12.5	9.60 - 13.80	Xây dựng và Vật liệu	VHL

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	RAT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.50 - 20.40	14.5	-27.5%
2	HEJ	Xây dựng và Vật liệu	9.20 - 19.20	11.5	-25.3%
3	BHP	Thực phẩm và đồ uống	5.70 - 10.00	6.9	-23.3%
4	GCB	Tiêu dùng không thiết yếu	4.50 - 21.50	6.0	-22.1%
5	QCC	Xây dựng và Vật liệu	12.00 - 32.40	13.4	-20.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
53.8%	8.0	4.00 - 8.00	Hóa chất	LNC
47.1%	2.5	1.40 - 4.10	Thực phẩm và đồ uống	ICF
39.5%	5.3	3.80 - 5.30	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	THN
38.7%	8.6	6.20 - 8.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DUS
36.4%	3.0	2.00 - 3.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	LQN

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	1,060.9	217.8	49.5	3.65 - 5.73	7.3
2	CLL	Cảng Cát Lái	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	560.1	184.4	27.5	27.10 - 36.60	-9.5
3	PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	623,732.5	137.3	31.0	30.25 - 84.67	0.8
4	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	Thực phẩm và đồ uống	68,390.9	89.5	141.0	125.00 - 183.34	4.4
5	NAF	Nafoods Group	Thực phẩm và đồ uống	38,759.9	83.4	48.3	21.91 - 53.90	6.0
6	MSH	Mây Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	4,651.1	71.6	30.4	29.90 - 41.50	-1.6
7	DHG	Dược Hậu Giang	Y tế	995.3	66.9	92.6	89.90 - 110.00	1.9
8	NTL	Đô thị Từ Liêm	Bất động sản	4,381.4	65.4	13.7	13.20 - 22.50	-4.5
9	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	145,254.6	64.8	13.8	12.40 - 38.65	2.6
10	AGG	Bất động sản An Gia	Bất động sản	4,863.7	64.7	11.5	10.40 - 22.10	4.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

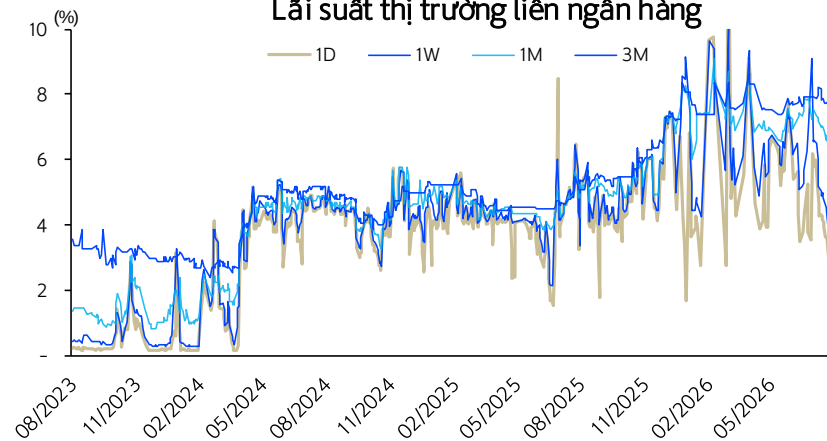
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.19	-1.3	-1.0	2.2	1.9	
VND/USD	26,293	-0.1	-0.1	-0.2	0.0	
KRW/USD	1,429.70	-2.0	-7.7	-3.2	-0.7	
JPY/USD	160.26	-2.2	-1.4	2.3	2.3	
EUR/USD	0.87	-1.2	-0.8	1.9	2.0	
SGD/USD	1.28	-0.6	-0.9	0.7	-0.2	
CNY/USD	6.75	-0.4	-0.6	-1.2	-3.4	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	82.15	-8.0	18.2	-21.8	43.1	
Xăng	321.00	-5.5	6.5	-14.9	88.2	
Gas	2.76	-3.7	-15.6	-0.1	-25.0	
Than	130.50	-0.2	0.7	-2.6	21.4	
Vàng	4,067.02	0.4	1.5	-11.9	-5.8	
Bạc	58.27	0.2	-0.6	-21.0	-18.7	
Platinum	1,642.41	3.2	5.8	-17.4	-20.3	
Quặng sắt	98.25	-0.2	-1.9	-8.3	-8.3	
Thép cán	3,259.00	-0.8	-1.9	-4.1	-0.3	
Lúa mì	660.25	-2.6	13.7	5.9	30.2	
Ngô	445.25	-4.1	7.9	-4.2	1.1	

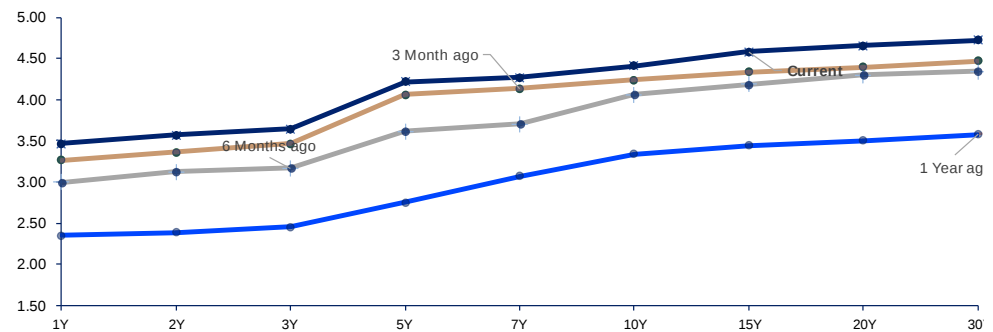
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.47	3.57	3.64	4.21	4.27	4.41	4.58	4.34	4.19
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	1.70	0.50	-0.10	0.50	0.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.